		chiều				
		Có thể hỗ trợ sinh thiết				
		7. Phần mềm thăm khám				
		7.1. Phần mềm thăm khám tim				
		Phương pháp thể tích theo vùng/chiều dài				
		Phân suất tống máu chế độ M (bằng phương pháp hình khối hoặc Teichholz)				
		Lấy mẫu Simpson điều chỉnh qua 3 điểm				
		Một hoặc hai bình diện Simpson's và phân suất tống máu				
		Vùng, độ dài, thể tích và phân suất tống máu				
		Khối thất trái (LV)				
		2D tất cả các điểm				
		M-mode tất cả các điểm				
		Vận tốc đỉnh				
		Gradient áp suất trung bình và cực đại				
		Áp suất bán thời gian				
		Tỉ lệ E/A				
		Độ dốc D/E				
		Phương trình liên tục				
		Chẩn đoán chức năng				
		Cung lượng tim				
		Thời gian gia tốc				
		Nhịp tim				
		Tim thai				
		7.2. Phần mềm thăm khám mạch máu:				
		Các giao thức động mạch cảnh trái phải				
		Tỉ lệ ICA/CCA				
		Đánh dấu song song động mạch và tĩnh mạch chi dưới				
		Đánh dấu song song động mạch và tĩnh mạch ngoại vi				
		Giảm phần trăm đường kính và diện tích				
		Gói đo ghép mạch máu				

		Ghi chú của người dùng				
		Phân tích Doppler tự động HighQ				
		7.3. Phần mềm thăm khám tổng quát, phần nông				
		Tổng quát				
		Gắn nhãn người dùng				
		8. Phần mềm đo đạc và tính toán				
		Khoảng cách 2D				
		Chu vi và diện tích 2D elip, liên tục theo dõi, theo dõi bởi các điểm				
		Tự động chuyển sang đo bằng elip				
		2D khoảng cách cong tuyến tính				
		2D Góc: Giao giữa hai đường				
		Trong 2D, tính toán bằng 3 khoảng cách hoặc 1 khoảng và 1 elip để tính thể tích				
		Trong 2D, tính toán 2 mặt thể tích				
		M-mode khoảng cách (độ sâu, thời gian, độ dốc)				
		M-mode tính toán nhịp tim				
		Tính khoảng cách Doppler bằng tay				
		Tìm theo vết bằng tay				
		Đo thời gian/ độ dốc trong chế độ Doppler và M				
		Công cụ tính huyết áp nhĩ phải RA				
		9. Lưu trữ dữ liệu				
		Khả năng lưu trữ đến 350 kết quả bệnh nhân				
		Có lập báo cáo theo cấu trúc				
		Cho phép lập thư mục thăm khám				
		Có thể lưu và sao chép ảnh từ USB				
		10. Máy in nhiệt đen trắng				
		Kiểu in nhiệt				
		Độ phân giải: 325 dpi				
		Tốc độ in: tối đa 1,9 giây/ trang				
		11. Bộ lưu điện Online				
		Loại Online				
		Công suất: 2KVA				
		Dạng sóng: Sóng Sine thật				

XVI	**BV Phổi**					
1	**Máy xét nghiệm máu lắng**	**Model: MIXRATE X20** **Hãng sản xuất: ELITechGroup B.V.** **Xuất xứ: Hà Lan**	Cái	1	165.000.000	165.000.000
		Yêu cầu chung				
		Máy mới 100% chưa qua sử dụng, sản suất 2019				
		Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485				
		Cấu hình bao gồm				
		Máy chính tích hợp máy in và đầu đọc mã vạch: 01 máy				
		Phụ kiện tiêu chuẩn đi kèm (adaptor, dây nguồn, giấy in nhiệt): 01 bộ.				
		Ống máu lắng (50 ống/hộp): 01 hộp.				
		Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh + tiếng Việt: 01 bộ				
		Thông số kỹ thuật				
		Ống phân tích: 1.28 ml máu				
		Tích hợp bộ trộn mẫu trong				
		Số kênh đo: 20 kênh đo				
		Thời gian phân tích: 15 phút, 30 phút hoặc 60 phút				
		Khả năng phân tích tối đa: 40 mẫu / giờ (chế độ 30 phút) và 80 mẫu/giờ (chế độ 15 phút)				
		Khả năng nạp mẫu: 20 mẫu một lần				
		Kiểu nạp: ngẫu nhiên hoặc theo mẻ				
		Kết quả: Westergren mm/h (sử dụng phương pháp nội suy)				
		Nhiệt độ chính xác: tự động bù nhiệt đến 18° (Manley)				
		Phương pháp đo: hồng ngoại				
		Độ phân giải phép đo: 0,2mm				
		Dải kết quả: 1 mm				
		Mức mẫu cho phép: 50mm-60mm				
		Màn hình hiển thị: GRAPHIC LCD, chiếu sáng nền				
		Cổng kết nối giao diện RS 232 cho máy in hoặc đầu				

		đọc mã vạch hoặc mạng HOST				
2	**Máy Monitor 5 thông số**	**Model: SVM 7623** **Hãng sản xuất: Nihon Kohden** **Xuất xứ: Malaysia**	Cái	1	148.500.000	148.500.000
		Yêu cầu chung				
		Máy mới 100% chưa qua sử dụng, sản suất 2019				
		Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương				
		Cấu hình bao gồm				
		Máy chính tích hợp máy in kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ				
		Dây nối đạo trình điện tim, cho 3 điện cực: 01 chiếc				
		Đầu đo SpO2 cho người lớn và trẻ em (sử dụng nhiều lần): 01 bộ				
		Đầu đo nhiệt độ (loại đo da): 01 chiếc				
		Ống nối NIBP cho người lớn và trẻ em: 01 chiếc				
		Bao đo NIBP cho trẻ em, 10cm: 01 chiếc				
		Bao đo NIBP cho người lớn, 13 cm: 01 chiếc				
		Ắc quy tự nạp: 01 chiếc				
		Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh+ Tiếng Việt: 01 bộ				
		Thông số kỹ thuật				
		Tính năng				
		Sử dụng cho bệnh nhân: Người lớn và trẻ em				
		Các thông số theo dõi: điện tim/xung, nhịp thở, SpO2, NIBP, nhiệt độ				
		Hiển thị				
		Kích thước màn hình: 12 inch, màn LCD màu TFT				
		Màn hình cảm ứng.				
		Độ phân giải: 800x600 dots				
		Số vết sóng tối đa: 6 vết				
		Thông số hiển thị đồng thời cho ECG, nhịp thở, SpO2, NIBP, nhiệt độ				
		Tốc độ quét: 6,25, 12,5 mm/s, 25 mm/s, 50mm/s				

		Có thể cài đặt màu hiển thị sóng và số				
		ECG/ Nhịp tim				
		Phương pháp đo: trung bình chuyển động				
		Dải đo: 15 đến 300 nhịp/phút				
		Sai số: ± 2 nhịp/phút				
		Khoảng thời gian cập nhật số đo: 3 giây hoặc khi có báo động				
		Có thể đặt giới hạn báo động cao/thấp trong khoảng 16 đến 300 nhịp/phút				
		Phân tích loạn nhịp				
		Phương pháp phân tích: Phương pháp kết hợp đa mẫu				
		Số kênh: 1				
		Tỷ lệ đếm VPC: từ 0 đến 99VPC/phút				
		Số file loạn nhịp gọi lại: 120 giờ				
		Thời gian lưu cho từng đoạn: 10 giây				
		Mức chênh ST				
		Số kênh: 1				
		Dải đo mức chênh ST: ± 2.5mV				
		Nhịp thở				
		Phương pháp đo: trở kháng				
		Dải đo: 0 - 150 nhịp/phút				
		Sai số: ± 2 nhịp/phút				
		Trở kháng đo: 220Ω đến 4kΩ				
		Nhiễu nội bộ: 0.2 Ω				
		Hiển thị độ nhạy: Các giá trị 10mm/1Ω ±25% (ở độ nhạy x1).				
		Điều chỉnh độ nhạy: x1/4, x1/2,x1, x2, x4				
		Tần số đáp ứng: 3Hz				
		Đầu vào có thể chống sốc 400 Ws/DC 5kV				
		Thời gian phục hồi sau khi sốc: 10giây				
		Có thể đặt giới hạn báo động cao/thấp trong khoảng 0 đến 150 nhịp/phút Technical data trang 6				
		Có thể theo dõi ngừng thở: thời gian từ 5 đến 40				

		giây				
		SpO_2				
		Dải đo: khoảng 0-100%				
		Dải hiển thị: 70 đến 100%				
		Sai số: ± 3%				
		Khoảng thời gian cập nhật số đo: 3 giây hoặc khi có báo động				
		Có âm thanh báo hiệu với âm sắc thay đổi theo sự thay đổi của trị số đo SpO2				
		Độ nhạy dạng sóng: có thể lựa chọn tự động hoặc bằng tay các giá trị x1/8, x1/4, x1/2, x1, x2, x4 và x8				
		Có thể đặt giới hạn báo động cao/thấp trong khoản 50 đến 100%				
		Đo mạch: dải đo trong khoảng 30- 300 nhịp/phút				
		Nhiệt độ				
		Dải đo: 0°C - 45°C ± 0,3°C				
		Độ xê dịch: ± 0,005°C/°C				
		Khoảng thời gian cập nhật số đo: 3 giây hoặc khi có báo động				
		Có thể đặt giới hạn báo động cao/thấp trong khoảng 0.1 đến 45°C				
		Huyết áp không xâm nhập (NIBP)				
		Phương pháp đo: dao động kế				
		Dải đo: trong khoảng 0- 300 mmHg ± 3mmHg				
		Phương thức đo: bằng tay, theo chu kỳ				
		Thời gian đo tối đa: người lớn/trẻ em: ≤160 giây, trẻ sơ sinh: 80 giây				
		Giá trị áp suất tối đa: Người lớn/trẻ em 300mmHg, trẻ sơ sinh: 150mmHg				
		Có giới hạn áp suất và thời gian khi bơm để đảm bảo an toàn				
		Có báo hiệu bằng âm thanh khi kết thúc chu kỳ đo				
		Có thể đặt giới hạn báo động cao/thấp trong khoảng				

		10 đến 250 mmHg				
		Thời gian phục hồi sau khi sốc: 10 giây				
		Hiển thị				
		Màn hình màu, cảm ứng, loại TFT LCD				
		Kích thước màn hình 12 inches, độ phân giải (800 x 600) điểm ảnh				
		Hiển thị sóng: nhịp tim, nhịp thở, sóng xung SpO2, NIBP, nhiệt độ.				
		Số vết sóng tối đa: 6 vết				
		Hiển thị số: nhịp tim, VPC, ST, nhịp thở, NIBP, SpO2, nhịp xung, nhiệt độ,				
		Có dấu đồng bộ với nhịp tim, nhịp thở và nhịp mạch				
		Có thể cài đặt 12 màu hiển thị số đo và dạng sóng trên màn hình				
		Tốc độ quét: 6.25, 12.5, 25, 50 mm/giây				
		Thời gian quét ở tốc độ 25mm/giây: 4.8 giây				
		Chức năng báo động				
		Các mục báo động: tín hiệu sống, loạn nhịp, kỹ thuật				
		Mục báo động tín hiệu sống: nhịp tim, nhịp xung, mức chênh ST, nhịp thở, ngừng thở, nhiệt độ, SpO2, NIBP, …				
		Báo động loạn nhịp: Asystole, VF, VT, VPC RUN, TACHYCARDIA,…				
		Chỉ thị báo động: Đèn chỉ thị, âm thanh và đánh dấu tin nhắn				
		Có thể ngưng báo động trong vòng 1, 2, 3 phút				
		Khả năng lưu lịch sử báo động: 120h				
		Máy in				
		Phương pháp in: Ma trận nhiệt				
		Số kênh in: 3 kênh				
		Chế độ ghi: bằng tay, chu kỳ, báo động				
		Mật độ dòng: 8 dot/mm				
		Tốc độ giấy: có thể lựa chọn 12.5, 25 và 50 mm/s				

		Điện áp cung cấp				
		AC và DC				
		DC: ắc quy lắp trong máy, thời gian hoạt động 6 giờ				
		Chức năng an toàn				
		Đáp ứng các điều khoản an toàn thuộc tiêu chuẩn IEC60601-1-2:2007				
XVII	**18 Trạm Y tế**					
1	**Máy siêu âm màu xách tay**	**Model: DUS - 6000** **Hãng sản xuất: Advanced** **Xuất xứ: Mỹ**	Cái	18	242.067.000	4.357.188.000
	Thạch Quý – Thành phố Hương Vĩnh – Hương Khê Phúc Đồng – Hương Khê Sơn Châu – Hương Sơn Sơn Ninh – Hương Sơn Sơn Hàm – Hương Sơn Sơn Phú – Hương Sơn Sơn Hồng – Hương Sơn Thạch mỹ – Lộc Hà Cẩm Minh – Cẩm Xuyên Xuân Viên – Nghi Xuân Xuân Thành – Nghi Xuân Xuân Hồng – Nghi Xuân	**Yêu cầu chung**				
		Máy mới 100% chưa qua sử dụng, sản suất 2019				
		Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485				
		Cấu hình bao gồm				
		Máy chính: 01 chiếc				
		Gói phần mềm tính toán và đo lường chuyên dụng (tích hợp trong máy): 01 bộ				
		Đầu dò Convex (2.5MHz/3.5 MHz /4.5 MHz /H2.5/H2.7MHz, ≥80 chấn tử): 01 chiếc				
		Giá để đầu dò: 01 chiếc				
		Giá để Gel: 01 chiếc				
		Cần treo dây đầu dò: 01 chiếc				
		Gel siêu âm: 01 chai				
		Dây nguồn: 01 dây.				
		Dây tiếp đất: 01 dây.				
		Máy in nhiệt chuyên dụng cho siêu âm: 01 chiếc				
		Tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 bộ				
		Đặc điểm chung:				
		Màn hình màuTFT-LCD với chế độ đèn nền backlight				
		Bàn phím gập với núm xoay điều khiển trackball				
		2 cổng đầu dò				

		Nam Hương	Thạch Hà	1 giá đỡ đầu dò và tay cầm			
				Gía đỡ hộp gel			
		Kỳ Lạc	H. Kỳ Anh	Công nghệ THI (Hình ảnh mô điều hòa) và TSI (Hình ảnh mô cụ thể)			
		Kỳ Bắc	H. Kỳ Anh	Chế độ Doppler PW.			
				Chế độ hiển thị B, 2B, 4B, B+M, M và PW.			
		Yên Lộc	Can Lộc	Hỗ trợ đĩa bên trong và đĩa di động cho việc lưu trữ.			
				2 cổng USB và cổng mạng DICOM 3.0			
		Trường Lộc	Can Lộc	Chế độ Mode B có gói tính toán và đo lường chung: Khoảng cách, Chu vi/diện tích (Elip/Đường vẽ), thể tích, tỷ lệ, %độ hẹp, góc và biểu đồ thai sản.			
				Chế độ Mode M có gói tính toán và đo lường chung: khoảng cách, thời gian, độ dốc và nhịp tim.			
				Chế độ Mode PW có gói tính toán và đo lường chung: Vận tốc dòng chảy, nhịp tim, thời gian, gia tốc, chỉ số trở kháng của mạch máu RI, Tự động (Tự động đánh dấu).			
				Ghi dạng Video: Điều chỉnh theo 2 hướng			
				Khối chùm tia: Tạo chùm tia kỹ thuật số, Nhận hình ảnh động, độ hội tụ, khung động với thời gian thực, tần số động, Góc quét, Apodization động, Hình ảnh mô điều hòa, Hình ảnh mô cụ thể.			
				Xử lý toàn bộ hình ảnh/ Xử lý theo từng vị trí.			
				Phóng đại theo điểm.			
				Gói phần mềm tính toán chung và đo sản.			
				- Đầu dò lựa chọn mua thêm bao gồm: + Đầu dò cong convex lớn. + Đầu dò phẳng Linear. + Đầu dò Phụ khoa. + Đầu dò trực tràng. Đầu dò cong convex nhỏ.			
				Hai cổng USB và cổng mạng LAN (DICOM 3.0)			
				Cổng đầu ra VGA và Video.			
				Đặc tính kỹ thuật			

		Thông số chung				
		- Chế độ hình ảnh + Màn hình: 12.1 TFT-LCD + Thang xám: 256 Chế độ: B, B+B, 4B, B+M, M và PW				
		- Tần số đầu dò 2.0- 10.0 MHZ				
		- Cổng kết nối đầu dò 2 (tiêu chuẩn)				
		- Khối chùm tia: Chùm tia kỹ thuật số				
		Nhận đồ phân giải khung động				
		Mật độ khung động với thời gian thực				
		Tần số quét khung động Dynamic Apodization Apodization động Hòa âm mô				
		- Góc quét Từ ≤ 30 độ đến ≥ 155 độ(tùy thuộc vào đầu dò)				
		- Độ sâu quét Từ ≤ 19 mm đến ≥ 245mm (tùy thuộc vào các loại đầu dò)				
		- Ứng dụng + Siêu âm Ổ Bụng + Siêu âm sản khoa + Siêu âm phụ khoa + Siêu âm tiết niệu + Siêu âm Các bộ phận nhỏ + Siêu âm tim mạch + Siêu âm các ứng dụng khác Siêu âm mạch ngoại vi				
		Thời gian phục hồi sau khi sốc: ≤ 10giây				
		Có thể đặt giới hạn báo động cao/thấp trong khoảng 0 đến ≥ 150 nhịp/phút				

		Có thể theo dõi ngừng thở: thời gian từ ≤ 5 đến ≥ 40 giây				
		XỬ LÝ HÌNH ẢNH				
		Dải khung động: AGC				
		Nâng cao đường biên: Điều chỉnh 8 thanh TGC				
		Sự tương quan giữa các khung hình: IP (Xử lý ảnh)				
		Làm mịn hình ảnh				
		Xử lý theo từng vị trí				
		Bản đồthang xám: Đảo vị trí Trái/ Phải (Hình ảnh)				
		Hiệu chỉnh Gamma: Đảo vị trí Trên/ Dưới (Hình ảnh)				
		Loại bỏ, : Xoay hình ảnh khoảng 90 độ				
		Đảo ngược hình ảnh Đen/Trắng màn hình				
		CHỨC NĂNG				
		Quay dang video: Dung lượng ≥ 256 Khung hình quay theo 2 chiều				
		Độ phóng đại: X1.0, X1.2, X1.4, X1.6, X2.0, X2.4, X3.0, Khoảng X4.0				
		Dung lượng Lưu trữ : Lưu hình ảnh dung lượng tối đa ≥ 504MB và kết nối USB bên ngoài				
		Đánh dấu vị trí đặt đầu dò trên cơ thể >130 kiểu hình.				
		Khác: Tự động nhân đầu dò, điều chỉnh năng lượng đầu ra âm lượng ≥ 16 bước.				
		ĐO LƯỜNG VÀ TÍNH TOÁN				
		Chế độ B: Khoảng cách, chu vi, diện tích, thể tích, góc, tỷ lệ, % độ hẹp.				
		Chế độ M: Tính Khoảng cách, thời gian, nhịp tim, độ dốc.				
		Chế độ D: Đo Thời gian, nhịp tim, vận tốc, gia tốc, đánh dấu và chỉ số trở kháng RI				
		- Gói phần mềm + Siêu âm Ổ Bụng. + Siêu âm sản khoa.				

		+ Siêu âm phụ khoa. + Siêu âm tiết niệu. + Siêu âm bộ phận nhỏ. + Siêu âm tim mạch. + Siêu âm chỉnh hình. Siêu âm mạch ngoại vi.				
		Hiển thị: Ngày tháng, thời gian, tần số đầu dò, tốc độ khung hình, tên bệnh nhân, Số thứ tự ID, tên bệnh viện, giá trị đo, đánh dấu vị trí đặt đầu dò trên cơ thể, ghi chú, vị trí đầu dò, chỉnh sửa vùng hình ảnh.				
		KHÁC				
		Cổng kết nối ngoại vi				
		Cổng ra Video x1				
		Cổng đầu ra VGA x1				
		Cổng USB x2				
		DICOM3.0 x 1 (lựa chọn thêm)				
		Pin Lithium: Hoạt động liên tục trong 2 giờ (Tùy chọn thêm)				
		BỘ CHUYỂN ĐỔI				
		Nguồn điện: 100V-240V~50Hz/60Hz				
		Kích thước khoảng: 330 mm (Rộng) x 220 mm (Dài) x 320 mm (Cao)				
		Trọng lượng tịnh: 7.1 kg				
	Tổng cộng:					**30.083.748.000**

Bằng chữ: (Ba mươi tỷ, không trăm tám mươi ba triệu, bảy trăm bốn mươi tám nghìn đồng)./.

PHỤ LỤC: 02

DANH SÁCH ĐƠN VỊ SỬ DỤNG TÀI SẢN

(Kèm theo Thỏa thuận khung số 22/2019/TTTVDVTCC ngày 26/8/2019 của Trung tâm Tư vấn và Dịch vụ Tài chính công Hà Tĩnh)

STT	Danh mục thiết bị	ĐVT	SL	Đơn giá *(đồng)*	Thành tiền *(đồng)*	Đơn vị sử dụng tài sản	Nhà thầu cung cấp tài sản
1	Máy X-quang kỹ thuật số 2 tấm nhận Model: Ecoview 9 plus Hãng sản xuất: Ecoray Xuất xứ: Hàn Quốc	Cái	1	2.894.003.000	2.894.003.000	BVĐK huyện Thạch Hà	Công ty TNHH Trang thiết bị Y tế Ánh Ngọc
2	Thủy trị liệu tứ chi Model: GI - VZ Nhà sản xuất: Trautwein Xuất xứ: Đức	Cái	1	895.000.000	895.000.000	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Công ty Cổ phần Công nghệ và xây dựng Sông Hồng
3	Máy chụp cắt lớp võng mạc Model: REVO Copernicus Hãng sản xuất: OPTOPOL Technology sp. z. o. o. Xuất xứ: Ba Lan	Cái	1	1.930.500.000	1.930.500.000	Bệnh viện mắt	Công ty Cổ phần Công nghệ và xây dựng Sông Hồng
4	Máy phẫu thuật Phaco Model: Megatron S4HPS Hãng sản xuất: Geuder AG Xuất xứ: Đức	Cái	1	1.785.000.000	1.785.000.000	Bệnh viện huyện Đức Thọ	Công ty Cổ phần Công nghệ và xây dựng Sông Hồng
5	Máy khoan xương Model: diMAGNI5 Version: DR Hãng sản xuất: Dimeda Instrumente GmbH Xuất xứ: Đức	Cái	1	495.000.000	495.000.000	BVĐK huyện Hương Sơn	Công ty Cổ phần Công nghệ và xây dựng Sông Hồng
6	Dao điện Model: ValleylabTM FX8 FX Series Energy Platform (VLFX8GEN) Hãng sản xuất: Covidien (Medtronic) Xuất xứ: Mỹ	Cái	1	592.500.000	592.500.000	BVĐK huyện Hương Sơn	Công ty Cổ phần Công nghệ và xây dựng Sông Hồng
7	Máy xét nghiệm sinh	Cái	1	850.000.000	850.000.000	Bệnh	Công ty Cổ

STT	Danh mục thiết bị	ĐVT	SL	Đơn giá *(đồng)*	Thành tiền *(đồng)*	Đơn vị sử dụng tài sản	Nhà thầu cung cấp tài sản
	hóa tự động Model: BT 1500 Hãng sản xuất: BIOTECNICA Xuất xứ: Italia					viện huyện Nghi Xuân	phần Công nghệ và xây dựng Sông Hồng
8	Bộ đèn mổ Model: Honey Lux Led 160RK/ 160RK Hãng sản xuất:JW Group Xuất xứ: Hàn Quốc	Bộ	1	447.500.000	447.500.000	Bệnh viện huyện Nghi Xuân	Công ty Cổ phần Công nghệ và xây dựng Sông Hồng
9	Máy đo chức năng hô hấp (có tính năng đo kháng lực đường thở bằng phương pháp dao động xung ký) Model: Vyntus IOS Hãng sản xuất: Vyaire Xuất xứ: Đức	Cái	1	1.422.500.000	1.422.500.000	BVĐK tỉnh	Công ty Cổ phần Công nghệ và xây dựng Sông Hồng
10	Máy kéo giãn cột sống Model: BTL-1300 Trac Hãng sản xuất: BTL industries Ltd Xuất xứ: EU - Anh Quốc	Cái	1	330.000.000	330.000.000	BVĐK huyện Vũ Quang	Công ty Cổ phần Công nghệ và xây dựng Sông Hồng
11	Hệ thống tập phục hồi chức năng toàn thân Model: Ex 100 Hãng sản xuất: Good PL Xuất xứ: Hàn Quốc	Hệ thống	1	75.000.000	75.000.000	BVĐK huyện Vũ Quang	Công ty Cổ phần Công nghệ và xây dựng Sông Hồng
12	Thiết bị tập khớp háng, khớp gối, cổ chân (CPM) Model: BTL-CPMotion K Elite Hãng sản xuất: BTL Industries Ltd Xuất xứ: EU - Anh Quốc	Cái	1	398.500.000	398.500.000	BVĐK huyện Vũ Quang	Công ty Cổ phần Công nghệ và xây dựng Sông Hồng
13	Máy phẫu thuật Phaco Model: Megatron S4HPS	Cái	1	1.785.000.000	1.785.000.000	BVĐK TX Kỳ Anh	Công ty Cổ phần Công nghệ và xây

STT	Danh mục thiết bị	ĐVT	SL	Đơn giá *(đồng)*	Thành tiền *(đồng)*	Đơn vị sử dụng tài sản	Nhà thầu cung cấp tài sản
	Hãng sản xuất: Geuder AG Xuất xứ: Đức						dựng Sông Hồng
14	Máy nội soi tai mũi họng Model: XVS3 Hãng sản xuất: Chammedco.,ltd Xuất xứ: Hàn Quốc	Cái	1	341.063.000	341.063.000	BV Y học cổ truyền	Công ty TNHH Trang thiết bị Y tế Ánh Ngọc
15	Máy siêu âm điều trị Model: BTL – 4710 Premium Hãng sản xuất: BTL Industries Ltd Xuất xứ: EU - Anh Quốc	Cái	1	108.902.000	108.902.000	BV Y học cổ truyền	Công ty TNHH Trang thiết bị Y tế Ánh Ngọc
16	Buồng o xy cao áp Model: SHC900GD Hãng sản xuất: Shanghai No.701 Institute Yangyuan Hyperbaric Oxygen Chamber Co., Ltd Xuất xứ: Trung Quốc	Cái	1	1.386.029.000	1.386.029.000	BV Y học cổ truyền	Công ty TNHH Trang thiết bị Y tế Ánh Ngọc
17	Máy sắc thuốc đóng gói tự động Model: YJX20/3+1(50-250)C Hãng sản xuất: Dong Hua Yuan Xuất xứ: Trung Quốc	Cái	1	99.500.000	99.500.000	BVĐK huyện Cẩm Xuyên	Công ty Cổ phần Công nghệ và xây dựng Sông Hồng
18	Máy điện tim Model: BTL–08 MT Plus Hãng sản xuất: BTL Industries Ltd Xuất xứ: EU - Anh Quốc	Cái	1	85.000.000	85.000.000	BVĐK huyện Cẩm Xuyên	Công ty Cổ phần Công nghệ và xây dựng Sông Hồng
19	Máy kéo giãn cột sống Model: BTL-1300 Trac Hãng sản xuất: BTL industries Ltd Xuất xứ: EU - Anh Quốc	Cái	1	330.000.000	330.000.000	BVĐK huyện Cẩm Xuyên	Công ty Cổ phần Công nghệ và xây dựng Sông Hồng
20	Bộ đèn mổ Model: Honey Lux Led	Bộ	1	447.500.000	447.500.000	BVĐK huyện	Công ty Cổ

STT	Danh mục thiết bị	ĐVT	SL	Đơn giá *(đồng)*	Thành tiền *(đồng)*	Đơn vị sử dụng tài sản	Nhà thầu cung cấp tài sản
	160RK/ 160RK Hãng sản xuất:JW Group Xuất xứ: Hàn Quốc					Cẩm Xuyên	phần Công nghệ và xây dựng Sông Hồng
21	Bộ dụng cụ mổ nội soi tiết niệu Hãng sản xuất: Ackermann - Đức	Bộ	1	765.000.000	765.000.000	BVĐK huyện Can Lộc	Công ty Cổ phần Công nghệ và xây dựng Sông Hồng
22	Máy phẫu thuật Phaco Model: Megatron S4HPS Hãng sản xuất: Geuder AG Xuất xứ: Đức	Cái	1	1.785.000.000	1.785.000.000	BVĐK huyện Lộc Hà	Công ty Cổ phần Công nghệ và xây dựng Sông Hồng
23	Máy nội soi tai mũi họng Model: XVS3 Hãng sản xuất: Chammedco.,ltd Xuất xứ: Hàn Quốc	Cái	1	341.063.000	341.063.000	BVĐK huyện Lộc Hà	Công ty TNHH Trang thiết bị Y tế Ánh Ngọc
24	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động Model: Advia Centaur CP Hãng sản xuất: Stratec Biomedical Swizerland AG/Thụy Sỹ sản xuất cho hãng SIEMENS Xuất xứ: Thụy Sỹ	Cái	1	1.988.000.000	1.988.000.000	BVĐK huyện Hương Khê	Công ty Cổ phần Công nghệ và xây dựng Sông Hồng
25	Máy xét nghiệm huyết học tự động Model: MEK-6510K Hãng sản xuất: Nihon Kohden Xuất xứ: Nhật Bản	Cái	1	320.500.000	320.500.000	BVĐK huyện Hương Khê	Công ty Cổ phần Công nghệ và xây dựng Sông Hồng
26	Máy siêu âm Doppler màu 4 đầu dò Model: Affiniti 70 (Affiniti 70G) Hãng sản xuất: Philips Xuất xứ: Mỹ	Cái	1	3.515.000.000	3.515.000.000	BVĐK thành phố Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần Công nghệ và xây dựng Sông Hồng
27	Máy xét nghiệm máu	Cái	1	165.000.000	165.000.000	BV Phổi	Công ty Cổ

STT	Danh mục thiết bị	ĐVT	SL	Đơn giá *(đồng)*	Thành tiền *(đồng)*	Đơn vị sử dụng tài sản	Nhà thầu cung cấp tài sản
	lắng Model: MIXRATE X20 Hãng sản xuất: ELITechGroup B.V Xuất xứ: Hà Lan						phần Công nghệ và xây dựng Sông Hồng
28	Máy Monitor 5 thông số Model: SVM-7623 Hãng sản xuất: Nihon Kohden/Nhật Bản Xuất xứ: Malaysia	Cái	1	148.500.000	148.500.000	BV Phổi	Công ty Cổ phần Công nghệ và xây dựng Sông Hồng
29	Máy siêu âm màu xách tay Model: DUS-6000 Hãng sản xuất: ADVANCED INSTRUMENTATIONS, INC. - MỸ Xuất xứ: Mỹ	Cái	18	242.067.000	4.357.188.000	18 Trạm Y tế Thạch Quý – Thành phố Hương Vĩnh – Hương Khê Phúc Đồng – Hương Khê Sơn Châu – Hương Sơn Sơn Ninh – Hương Sơn Sơn Hàm – Hương Sơn Sơn Phú – Hương Sơn Sơn Hồng – Hương Sơn Thạch Mỹ – Lộc Hà Cẩm Minh – Cẩm Xuyên Xuân Viên – Nghi Xuân Xuân Thành – Nghi Xuân Xuân Hồng – Nghi Xuân Nam Hương – Thạch Hà Kỳ Lạc – H. Kỳ Anh Kỳ Bắc – H. Kỳ Anh Yên Lộc – Can Lộc Trường Lộc – Can Lộc	Công ty TNHH Trang thiết bị Y tế Ánh Ngọc
	Tổng cộng:				**30.083.748.000**		

Bằng chữ: (Ba mươi tỷ, không trăm tám mươi ba triệu, bảy trăm bốn mươi tám nghìn đồng)./.

Phụ lục 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU, BÀN GIAO, TIẾP NHẬN TÀI SẢN

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thỏa thuận khung số ...../201../.... ngày... tháng ... năm..... giữa (tên nhà thầu cung cấp tài sản) và Trung tâm Tư vấn và Dịch vụ Tài chính công Hà Tĩnh;

Căn cứ Hợp đồng mua sắm tài sản số..... ngày tháng năm giữa (tên cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản) và (tên nhà thầu cung cấp tài sản);

Vào hồi .... giờ .... phút, ngày....tháng....năm..., tại....., chúng tôi gồm có:

I. Đại diện nhà thầu cung cấp tài sản

1. Ông (Bà):....., Chức vụ.....

2. Ông (Bà):....., Chức vụ.....

II. Đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản

1. Ông (Bà):....., Chức vụ.....

2. Ông (Bà):....., Chức vụ.....

Các bên thống nhất thực hiện nghiệm thu, bàn giao tài sản gồm các nội dung sau:

1. Tài sản thực hiện bàn giao

STT	Tên tài sản	Đơn vi tính	Số lượng	Giá mua *(đồng)*	Thành tiền *(đồng)*	Hiện trạng tài sản bàn giao
1.						
2.						
...						

2. Các hồ sơ về tài sản bàn giao, tiếp nhận.....

3. Ý kiến của các bên giao, bên nhận (nếu có):

3.1. Ý kiến của bên giao:.....

3.2. Ý kiến của bên nhận:.....

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU CUNG CẤP TÀI SẢN *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*	**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP SỬ DỤNG TÀI SẢN** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Phụ lục 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA SẮM TÀI SẢN
Số: .....

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thỏa thuận khung số...../20.../TTTVDVTCC ngày.../..../20... giữa Trung tâm Tư vấn và Dịch vụ Tài chính công Hà Tĩnh và (tên nhà thầu cung cấp tài sản, hành hóa, dịch vụ);

Vào hồi .... giờ .... phút, ngày....tháng.....năm....., tại ....., chúng tôi gồm có:

I. Nhà thầu cung cấp tài sản

Tên đơn vị: .....

Địa chỉ:.....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Giấy đăng ký kinh doanh: .....

Quyết định thành lập: .....

Số tài khoản:....., tại .....

Mã số thuế: .....

Đại diện bởi: ....., Chức vụ.....

II. Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản (Bên mua sắm tài sản)

Tên đơn vị: .....

Quyết định thành lập số: .....ngày.....của.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Số tài khoản:....., tại.....

Mã số quan hệ với NSNN:

Mã số thuế: .....

Đại diện bởi: ....., Chức vụ.....

Hai bên thống nhất ký Hợp đồng mua sắm tài sản với các nội dung sau:

Điều 1. Chủng loại, số lượng tài sản

1. Chủng loại tài sản mua sắm.

2. Số lượng tài sản mua sắm.

Điều 2. Giá bán tài sản

Giá bán tài sản tương ứng với từng loại tài sản tại Điều 1 của Hợp đồng.

Điều 3. Phương thức và thời hạn thanh toán

1. Phương thức thanh toán

2. Thời hạn thanh toán

Điều 4. Thời gian, địa điểm giao, nhận tài sản

1. Thời gian giao, nhận tài sản

2. Địa điểm giao, nhận tài sản.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của các bên.

1. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu cung cấp tài sản:

a) Quyền và nghĩa vụ bảo hành, bảo trì tài sản.

b) Quyền và nghĩa vụ đào tạo, hướng dẫn sử dụng tài sản (nếu có).

c) Quyền và nghĩa vụ khác.

2. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản.

Điều 6. Chế độ xử phạt do vi phạm hợp đồng.

.....

Hợp đồng này được lập thành .... bản có giá trị pháp lý như nhau; cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp mua sắm tài sản, nhà thầu cung cấp tài sản (mỗi bên giữ 02 bản); gửi 01 bản cho Trung tâm Tư vấn và Dịch vụ Tài chính công Hà Tĩnh./.

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU CUNG CẤP TÀI SẢN	**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP SỬ DỤNG TÀI SẢN**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*